

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2025/DS-ST**
Ngày: 18-6-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Tám
- Ông Nguyễn Ngọc Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Hà Thảo Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 422/2024/TLST-DS ngày 15/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/TLST-DS ngày 05/5/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Ngọc Th, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Thạnh H, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Ngọc H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Thạnh H, huyện Bến L, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt). Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Thạnh L, huyện Bến L, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc Th trình bày:

Bà Dương Thị Ngọc Th và ông Đỗ Ngọc H có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội. Ngày 01/8/2023, bà Th cho ông H vay số tiền 15.000.000đồng,

thời hạn vay 10 ngày, kể từ ngày 01/8/2023 đến ngày 11/8/2023, hợp đồng không thỏa thuận lãi suất cho vay. Ngày 03/8/2023, bà Th cho ông H vay số tiền 50.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng, kể từ ngày 03/8/2023 đến ngày 03/9/2023, hợp đồng không thỏa thuận lãi suất cho vay.

Thực hiện hợp đồng, bà Th đã giao cho ông H tổng cộng số tiền 65.000.000đồng, đến hạn trả nợ tiền gốc nhưng ông H không chịu trả tiền cho bà Th. Bà Th nhiều lần yêu cầu ông H thanh toán tiền nợ nhưng ông H cố tình lẩn tránh, không chịu trả nợ.

Bà Th khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền nợ gốc với số tiền 65.000.000đồng và yêu cầu tính tiền lãi, cụ thể:

Đối với số tiền 15.000.000đồng: tính từ ngày vi phạm 12/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/6/2025 là 22 tháng 06 ngày $\times 0,83\%/tháng \times 15.000.000đồng = 2.763.900đồng$.

Đối với số tiền 50.000.000đồng: tính từ ngày vi phạm 04/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/6/2025 là 21 tháng 14 ngày $\times 0,83\%/tháng \times 50.000.000đồng = 8.908.666đồng$.

Tổng cộng: $2.763.900đồng + 8.908.666đồng = 11.672.566đồng$.

Ông Phan Văn T trình bày: Ông T và bà Th là vợ chồng, ông T thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức căn cứ quy định tại Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ghi ý kiến ông H đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th. Tuy nhiên, ông H vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với ông H. Buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Th số tiền nợ gốc là 65.000.000đồng, tiền nợ lãi 11.672.566đồng.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Th khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền vay theo các giấy vay mượn tiền ngày 01/8/2023 và ngày 03/8/2023. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về phạm vi khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại Điều 5, Điều 188 của Bộ luật Tố tụng dân sự; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án không xem xét đến.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng ông H cố tình vắng mặt không lý do. Ông T có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H, ông T.

[4]. Về nội dung vụ án:

[4.1]. Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của bà Th thấy rằng: Bà Th khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền nợ gốc 65.000.000đồng. Chứng cứ bà Th cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Th là giấy mượn tiền ngày 01/8/2023 và ngày 03/8/2023 có chữ ký của ông Đỗ Ngọc H, nội dung giấy mượn tiền ngày 01/8/2023 thể hiện: “*Ông Đỗ Ngọc H có vay của bà Dương Thị Ngọc Th số tiền 15.000.000đồng, thời hạn vay 10 ngày kể từ ngày 01/8/2023 đến ngày 11/8/2023*”; nội dung giấy mượn tiền ngày 03/8/2023 thể hiện: “*Ông Đỗ Ngọc H có vay của bà Dương Thị Ngọc Th số tiền 50.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng, kể từ ngày 03/8/2023 đến ngày 03/9/2023*”. Quá trình giải quyết vụ án, ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông H đến Tòa án trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ nhằm bảo vệ quyền lợi của ông H đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th nhưng ông H cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Th cung cấp gồm: giấy mượn tiền ngày 01/8/2023 và ngày 03/8/2023, thể hiện tại mục “*người mượn*” có chữ ký, chữ viết của ông H. Tại kết luận giám định số 161/KL-KTHS ngày 29/4/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành giám định và kết luận: “*chữ ký đứng tên Đỗ Ngọc H dưới mục “người mượn” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Đỗ Ngọc H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký ra*”. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc yêu cầu ông H thanh toán số tiền nợ gốc là 65.000.000đồng.

[4.2]. Xét về yêu cầu trả tiền nợ lãi: Bà Th yêu cầu ông H trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) là phù hợp theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể:

Đối với số tiền 15.000.000đồng: tính từ ngày vi phạm 12/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/6/2025 là 22 tháng 06 ngày $\times 0,83\%/tháng \times 15.000.000đồng = 2.763.900đồng$.

Đối với số tiền 50.000.000đồng: tính từ ngày vi phạm 04/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/6/2025 là 21 tháng 14 ngày $\times 0,83\%/tháng \times 50.000.000đồng = 8.908.666đồng$.

[5]. Về chi phí giám định: Ông Đỗ Ngọc H phải chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền 9.686.000đồng. Bà Th đã nộp tạm ứng số tiền 9.686.000đồng nên cần buộc ông H nộp lại số tiền 9.686.000đồng để hoàn trả cho bà Th.

[6]. Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th được Tòa án chấp nhận theo Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 161, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc Th đối với ông Đỗ Ngọc H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc ông Đỗ Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Dương Thị Ngọc Th số tiền nợ gốc là 65.000.000đồng và tiền nợ lãi là 11.672.566đồng, tổng cộng: 76.672.566đồng.

2. Về chi phí giám định: Buộc ông Đỗ Ngọc H nộp số tiền 9.686.000đồng để hoàn trả cho bà Dương Thị Ngọc Th.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Ngọc H phải chịu 3.833.628đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Dương Thị Ngọc Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Dương Thị Ngọc Th số tiền 2.234.000đồng tạm ứng án phí bà Dương Thị Ngọc Th đã nộp theo biên lai thu số 000.7808 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Đông